DANH SÁCH PHÂN BỔ PHÒNG TẬP TRUNG SINH VIÊN THAM DỰ LỄ TỐT NGHIỆP NGÀY 03/10/2026
(CA SÁNG)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
1	1024760010	Hồ Nhựt Quang	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
2	1024860002	Dương Xuân Phú	Quản lý kinh tế	24MQLKT3	Sau Đại học	Sáng	G301
3	1024850008	Nguyễn Thị Bích Thy	Ngôn ngữ Anh	24MNNA	Sau Đại học	Sáng	G301
4	1024960007	Mai Hoàng Quyên	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
5	1024770009	Trần Thị Kim Thủy	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
6	1024940016	Bùi Thị Yến Nhi	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
7	1024020014	Nguyễn Anh Thư	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
8	1024980006	Hoàng Thị Hồng Trinh	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
9	1024020012	Nguyễn Ánh Nguyệt	Ngôn ngữ Anh	24MNNA1	Sau Đại học	Sáng	G301
10	0923850015	Lê Thanh Nhựt	Quản lý kinh tế	23MQLKT1	Sau Đại học	Sáng	G301
11	0923930046	Lê Đức Khởi	Quản lý kinh tế	24MQLKT1	Sau Đại học	Sáng	G301
12	0923880025	Trần Thị Thu Hương	Quản lý kinh tế	24MQLKT1	Sau Đại học	Sáng	G301
13	0923960016	Lê Thị Quý	Quản lý kinh tế	24MQLKT1	Sau Đại học	Sáng	G301
14	0923940019	Đào Trung Nam	Quản lý kinh tế	23MQLKT1	Sau Đại học	Sáng	G301
15	1024760004	Nguyễn Văn Hưng	Quản lý kinh tế	24MQLKT2	Sau Đại học	Sáng	G301
16	1024770007	Đỗ Phú Tài	Quản lý kinh tế	24MQLKT2	Sau Đại học	Sáng	G301
17	1024930003	Đinh Thị Ngọc Ngà	Quản lý kinh tế	24MQLKT2	Sau Đại học	Sáng	G301
18	1024830003	Phan Thị Mỹ Hạnh	Quản lý kinh tế	24MQLKT3	Sau Đại học	Sáng	G301
19	172100123	Nguyễn Trọng An	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
20	172100041	Hoàng Hữu Điền	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
21	172100048	Nguyễn Phạm Anh Khoa	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
22	172100257	Lường Thanh Phong	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
23	172100168	Nguyễn Minh Trung	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
24	172100251	Nguyễn Hải Duy	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
25	172100119	Vũ Nguyễn Thành Đạt	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
26	172100095	Nguyễn Trung Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
27	172100247	Phan Bá Bình	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
28	172100207	Dư Hiếu Bảo	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
29	1721030572	Đỗ Trương Phát Đạt	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
30	1721030403	Lê Khả Hiếu	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
31	1721030566	Lê Nguyễn Hoàng	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
32	1721030420	Trần Văn Mạnh	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
33	172100321	Nguyễn Trọng Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
34	1721030587	Đinh Đức Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
35	172100326	Đặng Vũ Trang Nguyên	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
36	1721030544	Trần Quảng Bình	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
37	1721030489	Vũ Ngọc Kỳ Duyên	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
38	1721030773	Vũ Đình Diệp	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
39	1721030695	Phan Trần Bảo Vân	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
40	1721000594	Trịnh Quyết Tiến	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
41	1721030860	Nguyễn Nhật Huỳnh	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
42	1721031063	Phạm Phước Bình	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
43	1721031169	Bạch Phan Minh Hiếu	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
44	1721031061	Vũ Thị Hải Vi	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
45	1721030996	Trương Thị Thúy Vy	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
46	1721001086	Panyasak Khamkeuth	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
47	1721021202	Tô Chính Hiệu	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
48	1721031398	Trần Đức Thắng	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
49	1721031394	Phạm Thị Hải Yến	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
50	1721031240	Lê Thị Cẩm Ly	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
51	1721031402	Trần Quốc Thành	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
52	1721031293	Lê Bảo Hồng Đức	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
53	1721031350	Hà Quang Duy	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
54	1721031206	Lê Nguyễn Khánh Vi	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
55	1721031589	Trần Hoài Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
56	1721031539	Trần Đình Minh Mẫn	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
57	1822040944	Đặng Minh Quang	Công nghệ thông tin	22DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
58	141800172	Lý Đại Lộc	Công nghệ thông tin	18DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
59	151901620	Nguyễn Duy Hưng	Công nghệ thông tin	19DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
60	162000223	Chu Nguyễn Tiến Thành	Công nghệ thông tin	20DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
61	162000649	Phan Thiện Quý	Công nghệ thông tin	20DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
62	162000606	Nguyễn Hoàng Nhật Anh	Công nghệ thông tin	20DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
63	162000357	Lý Trung Nguyên	Công nghệ thông tin	20DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
64	162000947	Trần Thành Đạt	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
65	162000805	Đinh Thanh Hào	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
66	162000824	Phạm Trọng Hữu	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
67	162000682	Trịnh Ngọc Nhật Trường	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
68	162000848	Ngô Việt Hoàng	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
69	162000773	Võ Ngô Hồng Phước	Công nghệ thông tin	20DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
70	162001121	Trịnh Thiên Ân	Công nghệ thông tin	20DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
71	162001381	Võ Nguyễn Ngọc Hợp	Công nghệ thông tin	20DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
72	162001426	Phạm Văn Huy	Công nghệ thông tin	20DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
73	162001315	Phan Văn Dương	Công nghệ thông tin	20DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
74	172100121	Nguyễn Thế An	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
75	172100264	Ngô Đăng Duy	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
76	172100201	Nguyễn Thành Đạt	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
77	172100158	Dương Huỳnh Quốc Huy	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
78	172100118	Vương Ngọc Minh	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
79	172100025	Trần Phạm Hữu Phúc	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302
80	172100187	Lê Anh Quân	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G302

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
81	172100280	Nguyễn Hoàng Quân	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
82	1721020826	Nguyễn Thanh Vũ	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
83	172100191	Lê Minh Khôi	Công nghệ thông tin	21DTH1	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
84	172100338	Cao Quốc Anh	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
85	1721030545	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
86	1721030439	Trần Thanh Bình	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
87	172100358	Đoàn Vũ Bình Dương	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
88	1721030547	Nguyễn Mạnh Hùng	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
89	1721030453	Nguyễn Vũ Thành Long	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
90	1721030500	Trần Mai Đức Lương	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
91	1721030537	Võ Hữu Thắng	Công nghệ thông tin	21DTH2	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
92	1721030867	Trần Đông Anh	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
93	1721030593	Nguyễn Thanh Hải	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
94	1721030799	Nguyễn Nhật Hiếu	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
95	1721030771	Phạm Nguyễn Hải Huy	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
96	1721030862	Phạm Trọng Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
97	1721030713	Trần Trọng Phúc	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
98	1721030650	Đặng Đức Minh Quang	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
99	1721030802	Nguyễn Nhật Tiến	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
100	1721030758	Lý Nhân Thăng	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
101	1721030651	Vũ Đình Lâm	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
102	1721030687	Trịnh Duy Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
103	1721030635	Nguyễn Nhật Tân	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
104	1721030745	Trần Nghĩa Hiệp	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
105	1721030861	Vũ Quốc Bảo	Công nghệ thông tin	21DTH3	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
106	1721031139	Báo Ngọc Thiên Bảo	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
107	1721031129	Trần Anh Hào	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
108	1721031027	Uông Minh Khải	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
109	1721030882	Trần Quốc Lâm	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
110	1721031099	Vũ Đình Mạnh	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
111	1721030881	Thân Trọng Phúc	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
112	1721031055	Lê Trùng Vỹ	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
113	1721031008	Nguyễn Quốc Phong	Công nghệ thông tin	21DTH4	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
114	1721031273	Nguyễn Nhật Bảo Anh	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
115	1721001336	Tô Văn Dương	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
116	1721031253	Nguyễn Thành Đạt	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
117	1721031314	Nguyễn Đình Hào	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
118	1721031401	Phạm Huy Hoàng	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
119	1721031268	Lâm Gia Ngọc Phát	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
120	1721031193	Trịnh Ngọc Phúc	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
121	1721031470	Nguyễn Minh Quân	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
122	1721031276	Thạch Anh Quốc	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
123	1721031236	Nguyễn Hoàng Tuấn	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
124	1721031277	Vũ Phương Thảo	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
125	1721031471	Trịnh Tiến Trung	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
126	1721031232	Lê Thành Vinh	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
127	1721031313	Bùi Quang Đăng Khoa	Công nghệ thông tin	21DTH5	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
128	1721031557	Nguyễn Trung Hậu	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
129	1721031731	Nguyễn Đông Hùng	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
130	1721031757	Mai Nguyễn Nhật Minh	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
131	1721031512	Lê Minh Nghĩa	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
132	1721031755	Tằng Mẫn Pố	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
133	1721031524	Nguyễn Viết Quốc Anh	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
134	1721031511	Cao Minh Thiện	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
135	1721031673	Phạm Văn An	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
136	1721031710	Mai Minh Quân	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
137	1721031620	Phan Quốc Huy	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
138	1721031501	Hoàng Duy Ngọc	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
139	1721031536	Trịnh Lê Long Vũ	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
140	1721031591	Nguyễn Hồng Nhung	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
141	1721031543	Phan Minh Trí	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
142	1721031565	Tạ Nguyên Khôi	Công nghệ thông tin	21DTH6	Khoa Công nghệ thông tin	Sáng	G303
143	1822030466	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
144	1822040438	Phạm Quốc Cường	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
145	1822040293	Mai Quế Chi	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
146	1822041806	Nguyễn Thị Thu Hà	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
147	1822040274	Phạm Ngọc Thảo My	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
148	1822031436	Nguyễn Hồ Xuân Nhi	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
149	1822040197	Nguyễn Hồng Phúc	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
150	1822041338	Đoàn Thị Kim Hằng	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
151	1822040170	Lê Đặng Quỳnh Anh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
152	1822040455	Nguyễn Thế Lộc	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
153	1822040532	Trần Thị Trúc Ly	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
154	1822040516	Nguyễn Phương Nghi	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
155	1822040387	Nguyễn Thị Hạnh Nhã	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
156	1822900011	Phạm Thị Thu Thảo	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
157	1822040678	Huỳnh Thị Minh Thư	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
158	1822041846	Bùi Thị Bạch Dương	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
159	1822040987	Nguyễn Thị Thảo Hoàng	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
160	1822040782	Nguyễn Nhật Huy	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
161	1822041046	Nguyễn Xuân Hương	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
162	1822040898	Trần Gia Kỳ	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
163	1822041142	Nguyễn Hoàng Khánh Ly	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
164	1822030852	Trần Thị Trà My	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
165	1822040816	Nguyễn Ngọc Gia Nghi	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
166	1822040829	Dương Hà Quyên	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
167	1822041183	Phạm Ngọc Trúc Linh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
168	1822041667	Hồ Thị Mỹ Duyên	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
169	1822041702	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
170	1822041727	Nguyễn Thị Thanh Mai	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
171	1822031755	Lê Thị Thu Trang	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
172	1822030559	Lâm Đình Huy	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
173	1822041631	Nguyễn Ngọc Thảo Vân	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
174	1822040531	Vũ Thị Phương Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
175	1822040195	Nguyễn Thanh Chúc	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
176	1822040806	Đặng Nguyễn Ngọc Diễm	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
177	1822040771	Trần Thị Thu Hiền	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
178	1822040536	Lê Thị Thu Hường	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
179	1822040406	Phạm Thị Luyên	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
180	1822040676	Nguyễn Quỳnh Như	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
181	1822041261	Nguyễn Ngọc Ánh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
182	1822041708	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
183	1822041523	Võ Thị Kim Phụng	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
184	1822041707	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G304
185	1822041634	Đặng Minh Thư	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
186	1822040980	Trần Lê Anh Thư	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
187	162001095	A Lê Hoàng Anh	Đông phương học	20DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
188	162001027	Trần Quốc Trí	Đông phương học	20DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
189	162000934	Trần Hoàng Thanh Thảo	Đông phương học	20DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
190	162000986	Bùi Tuấn Thành	Đông phương học	20DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
191	162001073	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Đông phương học	20DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
192	162000674	Nguyễn Huy Hoàng	Đông phương học	20DĐP3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
193	162000827	Võ Vương Bích Trâm	Đông phương học	20DĐP3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
194	1721031082	Phan Võ Trúc Quân	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
195	172100129	Nguyễn Vũ Cúc Hương	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
196	172100234	Huỳnh Hoàng Xuân Nhi	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
197	1721020697	Hoàng Thanh Trúc	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
198	1721030709	Dương Huỳnh Anh	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
199	172100244	Vũ Thị Thanh Thảo	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
200	1721031245	Vũ Phan Hà Trang	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
201	1721031286	Lại Triệu Minh Anh	Đông phương học	21DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
202	1822040570	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
203	1822041839	Trần Thị Ngọc Thuỳ	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
204	1822040511	Trần Chè Trà	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
205	1822020620	Nguyễn Ngọc Trâm	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
206	1822040355	Hoàng Khánh Vy	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
207	1822040539	Nguyễn Thị Tường Vy	Đông phương học	22DĐP1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
208	1822040707	Nguyễn Ngọc Hiếu	Đông phương học	22DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
209	1822011314	Trần Thanh Thảo Nhi	Đông phương học	22DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
210	1822040949	Nguyễn Xuân Quỳnh	Đông phương học	22DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
211	1822041329	Tống Hoàng Minh Khuê	Đông phương học	22DĐP2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
212	131700147	Nguyễn Thị Thu Ngân	Ngôn ngữ Anh	17DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
213	151900124	Nguyễn Thị Duyên	Ngôn ngữ Anh	19DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
214	151900238	Phạm Nguyễn Thiên Xuân	Ngôn ngữ Anh	19DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
215	151900738	Trần Thị Thúy Phượng	Ngôn ngữ Anh	19DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
216	151901149	Phan Vũ Minh Đạt	Ngôn ngữ Anh	19DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
217	151901003	Lê Thị Bích Ngọc	Ngôn ngữ Anh	19DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
218	151901044	Nguyễn Hoàng Hải	Ngôn ngữ Anh	19DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
219	151900406	Nguyễn Phương Nhi	Ngôn ngữ Anh	19DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
220	162000149	Nguyễn Thị Thùy An	Ngôn ngữ Anh	20DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
221	162000946	Vũ Nhật Phương Uyên	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
222	162000679	Huỳnh Gia Bảo	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
223	162001664	Nguyễn Phước An	Ngôn ngữ Anh	20DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
224	162001245	Ngô Gia Huy	Ngôn ngữ Anh	20DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
225	162001650	Võ Thị Tuyết Hân	Ngôn ngữ Anh	20DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G305
226	172100353	Lê Võ Phương Quyên	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
227	1721030526	Huỳnh Chí Thiện	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
228	1721020412	Phạm Quốc Trung	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
229	172100178	Vũ Diễm Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
230	172100283	Đỗ Thị Thanh Trang	Ngôn ngữ Anh	21DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
231	1721031150	Trần Kim Long	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
232	1721020819	Nguyễn Văn Trường Sơn	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
233	1721030752	Lê Nguyễn Như Phương	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
234	1721031140	Nguyễn Ngọc Cát Tiên	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
235	1721031254	Vũ Mỹ Linh	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
236	1721031066	Nguyễn Dương Trúc Lam	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
237	1721020781	Ngô Văn Tuấn Ngọc	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
238	1721031256	Nguyễn Văn Hiếu	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
239	1721030944	Nguyễn Tuấn Vũ	Ngôn ngữ Anh	21DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
240	1721031403	Mai Vũ Huyền Trang	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
241	1721031407	Nguyễn Hoàng Nam	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
242	1721031426	Đỗ Đình Thành	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
243	1721031404	Nguyễn Thuỵ Minh Thu	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
244	1721031283	Hoàng Hồng Dung	Ngôn ngữ Anh	21DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
245	1721031656	Hồ Thị Ngọc Phượng	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
246	1721031601	Nguyễn Hoàng Hạnh Thảo	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
247	1721031715	Nguyễn Vũ Ngọc Trinh	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
248	1721031592	Phạm Thị Thùy Trang	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
249	1721031668	Nguyễn Hoài Phong	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
250	1721031628	Nguyễn Ngọc Lan Vi	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
251	1721021796	Nguyễn Thiên Duyên	Ngôn ngữ Anh	21DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
252	1822040709	Trần Thành Phương Duy	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
253	1822040601	Nguyễn Thị Bảo Hà	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
254	1822040306	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
255	1822040106	Nguyễn Thị Ngọc Linh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
256	1822040341	Đỗ Thị Bích Ngọc	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
257	1822031287	Nguyễn Hữu Nhân	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
258	1822040262	Lê Hoàng Oanh	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
259	1822030156	Lưu Mỹ Tú	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
260	1822040538	Nguyễn Hồng Trân	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
261	1822040479	Phan Nguyễn Yến Vy	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
262	1822040630	Phan Xuân Yến Vy	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
263	1822030386	Trương Ngọc Chi	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
264	1822040003	Nguyễn Minh Thư	Ngôn ngữ Anh	22DTA1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
265	1822041148	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G306
266	1822040786	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
267	1822040924	Lê Thị Thúy Nga	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
268	1822041058	Mai Nguyên Ngọc	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
269	1822040943	Lê Hoàng Yến Nhi	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
270	1822041179	Nguyễn Uyên Nhi	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
271	1822041068	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
272	1822040248	Lê Thanh Hoài	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
273	1822030995	Nguyễn Minh Nhật	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
274	1822040915	Nguyễn Thị Trang Nhung	Ngôn ngữ Anh	22DTA2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
275	1822041216	Cao Thị Ngọc Anh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
276	1822041488	Lê Thu Hiền	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
277	1822041277	Trần Mai Hương	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
278	1822011228	Vũ Thị Khánh Ly	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
279	1822041252	Lý Phạm Kim Ngân	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
280	1822041221	Phạm Nguyễn Thu Ngọc	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
281	1822041476	Đỗ Lê Uyên Nhi	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
282	1822041311	Phùng Thị Gia Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
283	1822041346	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
284	1822041486	Mai Đình Hương Giang	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
285	1822041190	Võ Thị Thùy Linh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
286	1822041306	Ngô Ngọc Hoàng Ly	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
287	1822041493	Kông Vinh Thanh Ngân	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
288	1822041504	Lê Hoài Yến Ngọc	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
289	1822041302	Đào Thị Yến Nhi	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
290	1822041381	Chu Nguyễn Như Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
291	1822041276	Bạch Nguyễn Hoàng Vy	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
292	1822041371	Nguyễn Gia Bảo	Ngôn ngữ Anh	22DTA3	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
293	1822041728	Nguyễn Hoà An	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
294	1822041891	Phạm Hà Minh Hoàng	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
295	1822041798	Trần Khánh Ly	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
296	1822041604	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
297	1822041645	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
298	1822041613	Đậu Thị Phương Trang	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
299	1822041566	Vũ Long Hương Giang	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
300	1822041849	Nguyễn Nguyên Nghi	Ngôn ngữ Anh	22DTA4	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
301	1721030704	Phạm Thị Ngọc	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
302	1721031060	Trần Lê Thảo Trang	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
303	1721021144	Lê Hoàng Thơ	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
304	1721021143	Lê Hoàng Thi	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
305	1721030645	Phạm Thị Thu Phương	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G307
306	1721030756	Phan Thị Hồng Sâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
307	1721031440	Phạm Thúy Hằng	Ngôn ngữ Trung Quốc	21DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
308	1822040035	Lê Chí Bảo	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
309	1822040840	Trần Phương Dung	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
310	1822040360	Hoàng Hải Hà	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
311	1822040427	Dương Minh Hiếu	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
312	1822040433	Vòng Tôn Huy	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
313	1822040389	Lê Phạm Hỷ Kiệt	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
314	1822040695	Nguyễn Kiều Trúc Ly	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
315	1822040636	Phan Thị Triều Phúc	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
316	1822040287	Bùi Bích Phượng	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
317	1822041871	Dương Thị Thanh Tâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
318	1822040204	Nguyễn Phạm Minh Tiến	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
319	1822040804	Nguyễn Thanh Tú	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
320	1822040688	Phạm Thị Thao	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
321	1822040407	Lê Nguyễn Anh Thư	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
322	1822030790	Nguyễn Thị Tú Trinh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
323	1822040689	Nguyễn Thảo Vân	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
324	1822040650	Tôn Thị Ngọc Yến	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
325	1822030749	Trịnh Trần Bảo Trâm	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ1	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
326	1822040916	Trần Thị Trâm Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
327	1822041210	Võ Thị Vân Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
328	1822040684	Vũ Thị Khánh Linh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
329	1822040893	Phạm Thị Hoàng Mai	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
330	1822040955	Trần Lê Trà My	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
331	1822041260	Hoàng Thị Ngân	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
332	1822041490	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
333	1822010101	Đặng Ngọc Phi Yến	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
334	1822040923	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
335	1822041248	Ngô Gia Hân	Ngôn ngữ Trung Quốc	22DTQ2	Khoa Ngoại ngữ	Sáng	G308
336	1721031734	Lê Nguyễn Nhân Đức	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
337	1721030476	Võ Văn Nhựt Hào	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
338	1721031432	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
339	1721030553	Lê Thị Huỳnh Như	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
340	1721031208	Nguyễn Văn Quý	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
341	1721030397	Huỳnh Ngọc Anh Thư	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
342	1721030805	Nguyễn Thị Thùy Trang	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
343	1822041677	Nguyễn Thị Phương Chung	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
344	1822040983	Trương Thị Thùy Dương	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
345	1822020292	Lê Phúc Hậu	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
346	1822030598	Vương Quốc Huy	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
347	1822040158	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
348	1822041135	Huỳnh Hồ Thiên Kim	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
349	1822040014	Huỳnh Thị Kim Loan	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
350	1822040643	Đỗ Thị Trúc Ly	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
351	1822040313	Nguyễn Ngọc Ánh Mai	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
352	1822041587	Nguyễn Thị Thùy Trang	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
353	1822041458	Đặng Thị Thanh Xuân	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
354	1822040213	Phạm Văn Thân	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
355	151900340	Nguyễn Đặng Trọng Phước	Công nghệ kỹ thuật hóa học	19DHO1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
356	151901035	Dương Ngọc Linh	Công nghệ kỹ thuật môi trường	19DMT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
357	1721030575	Vũ Vân Anh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
358	172100145	Phạm Đức Duy	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
359	172100305	Nguyễn Quốc Đại	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
360	1721031568	Hoàng Phi Hùng	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
361	1721030486	Vũ Thị Thanh Hương	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
362	1721031301	Phùng Uyển Tú	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
363	1721030605	Nguyễn Đinh Vũ Thường	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
364	1721021507	Trần Nguyễn Minh Triết	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
365	1721031635	Trần Công Vinh	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
366	172100059	Trần Thị Hoàng Yến	Công nghệ thực phẩm	21DTP1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
367	162000640	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Điều dưỡng	20DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
368	172100231	Đặng Văn Hưng	Điều dưỡng	21DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
369	1721030984	Võ Trúc Thanh Thanh	Điều dưỡng	21DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
370	1721031221	Lê Huỳnh Thanh Trâm	Điều dưỡng	21DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
371	1721031765	Hoàng Ngọc Linh	Điều dưỡng	21DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
372	1721031252	Ngô Hoàng Ngân	Điều dưỡng	21DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
373	1822040674	Đỗ Thùy Mỹ Duyên	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
374	1822031407	Phạm Thị Hồng	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
375	1822001860	Lê Thị Kim Loan	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
376	1822041837	Phan Đỗ Như Quỳnh	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
377	1822030142	Dương Hoàng Sơn	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G401
378	1822030226	Nguyễn Thị Cẩm Vy	Điều dưỡng	22DĐD1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
379	1123861330	Đỗ Thị Ngọc Anh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
380	1123921338	Hồ Thị Hoàng Diệu	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
381	1123850013	Trịnh Thị Giang	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
382	1123831331	Nguyễn Thị Minh Hương	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
383	1123951339	Vũ Tuấn Khanh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
384	1123881336	Trịnh Thị Thanh	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
385	1123981337	Mai Thu Thảo	Điều dưỡng	23DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
386	1224890048	Trần Thị Ánh Nguyệt	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
387	1224930016	Nguyễn Thị Minh Vân	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
388	1224860049	Đỗ Thị Biền	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
389	122400042	Vũ Thùy Dương	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
390	1224950068	Đồng Thị Ngọc Hân	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
391	1224940040	Phạm Thị Trung Hiếu	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
392	1224940036	Nguyễn Thị Kim Hoa	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
393	1123921335	Nguyễn Thị Hồng	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
394	122400033	Vũ Thị Mai Hương	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
395	1224930092	Ngô Thị Lên	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
396	1224850054	Ngô Thị Nga	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
397	1224920037	Lê Thị Ngọc	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
398	1224960035	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
399	1224910020	Nguyễn Việt Quốc	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
400	1123861340	Trần Thị Quyên	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
401	1224980022	Phạm Thị Thanh	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
402	1224900007	Nguyễn Thị Thê	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
403	1224970018	Trần Thị Thuận	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
404	1224910015	Trịnh Thị Thủy	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
405	1224900090	Đặng Trịnh Trang	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
406	1224900005	Lăng Thị Linh Trang	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
407	1123921334	Lê Kiều Trang	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G402
408	1224900088	Trần Thị Ngọc Trâm	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngành	Lớp	Khoa	Ca	Phòng chờ
409	1224800009	Nguyễn Thị Hồng Vân	Điều dưỡng	24DĐD1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
410	1224900100	Nguyễn Thị Hồng Duyên	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
411	1224820083	Bùi Thị Giang	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
412	1224930102	Phan Thị Thu Hiền	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
413	1224880105	Lê Thị Thảo Luận	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
414	1224930111	Bạch Lê Tuyết Mai	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
415	1224900098	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
416	1224880103	Bành Thị Nguyệt	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
417	1224910108	Mai Văn Toàn	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
418	1224900071	Lê Thị Hoài Thương	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
419	1224890106	Trần Thị Tường Vy	Điều dưỡng	24DĐD1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
420	141801020	Võ Minh Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	18DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
421	1822040384	Lê Hoàng Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
422	1822041646	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
423	1822831825	Ninh Thị Huyền Nga	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
424	1822040753	Vũ Yến Nhi	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
425	1822040626	Hoàng Thị Thanh Tâm	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
426	1822040951	Nguyễn Bùi Tài Thông	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
427	1822040875	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
428	1822981826	Đoàn Thị Kim Xuyến	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22DXN1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
429	1224910026	Phan Thị Hiên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
430	1224970051	Trương Thị Mỹ Hiền	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
431	1224970025	Huỳnh Thị Thùy Trang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT1	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
432	1324981131	Vũ Hoàng Dũng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
433	1324011110	Malichansy Chinny	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
434	1324951193	Lê Trần Anh Dũng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
435	1324981126	Hoàng Thị Thúy Hồng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
436	1324921080	Phạm Thị Tuyết Nga	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
437	1324961176	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
438	1324961143	Nguyễn Công Phú	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
439	1324971152	Nguyễn Công Tín	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414
440	1324971087	Bùi Viết Tuấn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	24DXN1LT2	Khoa Công nghệ	Sáng	G414